

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính về môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho dự án Xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết Trung ương (cơ sở Thái Thịnh) tại số 80, ngõ 82 khu Yên Lãng B, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội của Bệnh viện Nội tiết Trung ương;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết Trung ương (cơ sở Thái Thịnh) tại số 80, ngõ 82 khu Yên Lãng B, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1725/BVNTTW ngày 18/12/2024 của Bệnh viện Nội tiết Trung ương.

Theo đề nghị của phòng Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu tại Báo cáo số 316/STNMT-KTTV&BĐKH ngày 19/12/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Nội tiết Trung ương, địa chỉ trụ sở chính: Số 80, ngõ 82 khu Yên Lãng B, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết Trung ương (cơ sở Thái Thịnh) tại số 80, ngõ 82 khu Yên Lãng B, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết Trung ương (cơ sở Thái Thịnh).

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại số 80, ngõ 82 khu Yên Lãng B, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.3. Bệnh viện Nội tiết Trung ương hoạt động theo Quyết định số 3994/QĐ-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động đối với Bệnh viện Nội tiết Trung ương.

1.4. Mã số thuế: 0101451859

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện chuyên khoa đầu ngành về nội tiết và rối loạn chuyển hóa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai tại số 80, ngõ 82 khu Yên Lãng B, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Quy mô của dự án: Xây dựng mới Bệnh viện Nội tiết Trung ương trên tổng diện tích 3.474 m² (trong đó: 3.374 m² nằm ngoài chỉ giới đường đỏ; 100 m² là đất lưu không, mở đường quy hoạch, Bệnh viện tuyệt đối không được xây dựng công trình, khi Nhà nước thu hồi, phải bàn giao lại theo quy định). Quy mô đầu tư: Xây dựng khối nhà chính cao 09 tầng nổi và 02 tầng hầm với tổng diện tích sàn xây dựng dự kiến khoảng 19.360 m²; Các hạng mục phụ trợ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

Chi tiết được nêu trong hồ sơ, báo cáo của dự án.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Nội tiết Trung ương.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Nội tiết Trung ương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Nội tiết Trung ương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao phòng Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu phối hợp với UBND quận Đống Đa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- UBND quận Đống Đa;
- Bệnh viện Nội tiết Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Sở TN&MT;
- Lưu: VT, KTTV & BDKH;

Mã hồ sơ: 31473.KTTV

(H26.14-241022-0003)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 141 /GPMT-STNMT-KTTV&BĐKH
ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01 (nước thải sinh hoạt) từ xí, tiểu, lavabo;
- Nguồn số 02 (nước thải sinh hoạt): Nước thải từ khu bếp, nhà ăn;
- Nguồn số 03 (nước thải y tế);
- Nguồn số 04 (nước thải sinh hoạt): Nước thải từ hệ thống lọc RO; Nước rửa sàn kho rác;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải;

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước chung khu vực trên ngõ 82, phố Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Trong khuôn viên ô đất Bệnh viện Nội tiết Trung ương (cơ sở Thái Thịnh) tại số 80, ngõ 82 khu Yên Lãng B, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3⁰): X=2324501 Y = 584548

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải được bơm lên hố ga thoát nước chung của khu vực trên ngõ 82, phố Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.4.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế QCVN 28/2010/BTNMT (cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn theo QCVN 28:2010/BTNMT cột B, K=1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	

3	COD	mg/l	100	06 tháng/lần
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	TDS			
15	Tổng các chất hoạt động bề mặt			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 01 (nước thải sinh hoạt): Nước thải từ Lavabo, nước thoát sàn được thu gom bằng hệ thống ống (D90, D110), về hố ga thu gom ký hiệu G4; Nước thải sinh hoạt từ xí, tiểu được thu gom vào hệ thống ống (D110), về bể tự hoại, sau đó theo đường ống D160 về hố ga thu gom ký hiệu G4, dẫn theo tuyến ống (D200) về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02 (nước thải sinh hoạt): Nước thải từ khu bếp, nhà ăn được thu gom vào hệ thống ống (D110, D140) về bể tách mỡ (dung tích 5,5 m³), theo đường ống (D140) về hố ga thu gom ký hiệu G4, sau đó theo tuyến ống (D200) về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03 (nước thải y tế): Được thu gom bằng hệ thống ống (D60, D90, D200), về bể xử lý hóa chất dung tích 03 m³ (bể tiền xử lý) theo đường ống (D200) về hố ga thu gom ký hiệu G4, sau đó theo tuyến ống (D200) về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04 (nước thải sinh hoạt): Nước thải từ hệ thống lọc RO; Nước rửa sàn kho rác được thu gom bằng hệ thống ống (D200), về hố ga thu gom, sau đó theo đường ống (D200) về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế QCVN 28/2010/BTNMT (cột B, K=1,2). Nguồn tiếp nhận nước thải là hệ thống cống thoát nước chung khu vực trên ngõ 82, phố Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải công suất 150

m³/ngày đêm.

+ Quy trình công nghệ: Nước thải (sau xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo, NaHCO₃.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ theo dõi và kiểm tra hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại hệ thống xử lý nước thải, không được xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường, nước thải tạm thời lưu chứa tại bể điều hòa và các bể xử lý. Trường hợp quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý mùi hôi:

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm được thu gom bằng hệ thống đường ống D90 qua tháp hấp phụ (sử dụng vật liệu hấp phụ than hoạt tính) sử dụng quạt hút công suất 1.800 m³/h, đẩy khí sạch ra môi trường.

3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

3.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án.

3.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm.

3.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm, tại bể điều hòa; Tọa độ vị trí (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', vĩ độ 3°):

X: 2324537 Y: 584514

+ Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, tại bể khử trùng; Tọa độ vị trí (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', vĩ độ 3°):

X: 2324541 Y: 584507

3.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này.

3.2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

4.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

4.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

4.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 141/GPMT-STNMT-KTTV&BĐKH
ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chủng loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	8.500
2	Hộp chứa mực in thải	50
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	10.370
4	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng	30
5	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	35
6	Bóng đèn led và các loại thủy tinh hoạt tính thải	50
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	90
8	Pin thải	15
	Tổng cộng	19.140

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

1.2.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 137 tấn/năm.

1.2.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh: Khoảng 10,95 tấn/năm.

1.2.3. Bùn thải từ bể tự hoại: khoảng 33 tấn/năm.

1.2.4. Khối lượng chất thải rắn thông thường có thể tái chế: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 02 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại có nguy cơ lây nhiễm: 01 thùng, dung tích 120 lít/thùng; Thùng lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: 07 thùng, dung tích 120 lít/thùng;

- Ghi nhãn mác của từng loại chất thải nguy hại được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa: Bố trí khu lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m² (góc Tây Bắc dự án).

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn. Định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom và đem đi xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khu vực công cộng, bố trí các thùng rác dung tích 120 lít/thùng; Tại hành lang mỗi tầng bố trí các thùng rác dung tích 50 lít/thùng; Tại các khoa, phòng bố trí các thùng rác dung tích 10 lít/thùng. Khu vực nhà bếp đặt thùng chứa dung tích 200 lít/thùng để thu gom chất thải. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về kho lưu chứa diện tích 13 m² (góc Tây Bắc dự án).

+ Thiết bị lưu chứa: 03 xe đẩy dung tích 300 lít (trong kho lưu chứa).

- Chất thải rắn tái chế (thùng carton, giấy, chai lọ không nhiễm thành phần nguy hại...): Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, vận chuyển về kho lưu chứa chất thải diện tích 10 m² (cạnh kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt).

+ Thiết bị lưu chứa: 03 thùng lưu chứa dung tích 120 lít/thùng (trong kho lưu chứa).

- Chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải y tế thông thường, chất thải rắn không thể tái chế): Tại các khoa, phòng bố trí các thùng rác dung tích 10 lít/thùng; Tại hành lang mỗi tầng bố trí các thùng rác dung tích 50 lít/thùng. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, vận chuyển về kho lưu chứa chất thải diện tích 10 m² (cạnh kho lưu chứa chất thải rắn thông thường).

+ Thiết bị lưu chứa: 02 thùng lưu chứa dung tích 240 lít/thùng (trong kho lưu chứa).

Chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất: Hàng ngày.

Đối với bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước: Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định;

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải, chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ và quản lý chất thải y tế theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên Bệnh viện.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do hóa chất, dịch bệnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 141 /GPMT-STNMT-KTTV&BĐKH
ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành dự án.

3. Quá trình thi công xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; Các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định

kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định;

Nước thải thi công phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi xả thải ra môi trường.

7. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 150 m³/ngày đêm hiện có của Bệnh viện, bảo đảm đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) trước khi xả vào hệ thống thoát nước của khu vực.

8. Đảm bảo xử lý khí, mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

9. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

12. Đảm bảo nguồn kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.

